

Chuyên đề: Lối nói phụ họa với "So" (Affirmative Agreement)

Trong giao tiếp tiếng Anh, việc thể hiện sự đồng tình với một ý kiến khẳng định của người khác là rất phổ biến. Thay vì lặp lại cả câu, chúng ta thường dùng các cấu trúc ngắn gọn như "So + trợ động từ + S". Tài liệu này sẽ tổng hợp đầy đủ và chi tiết về cách sử dụng cấu trúc này một cách chính xác.

1. Lối nói phụ họa là gì?

Lối nói phụ họa (Echoes/Agreements) là cách dùng các cấu trúc ngắn gọn để thể hiện sự đồng tình hoặc không đồng tình với một phát biểu trước đó. Cấu trúc này giúp cuộc hội thoại trở nên tự nhiên, trôi chảy và tránh lặp lại những thông tin không cần thiết.

Trong phạm vi bài này, chúng ta tập trung vào cách diễn tả sự đồng tình với một câu khẳng định bằng cách sử dụng "**So**".

2. Cấu trúc chung của lối nói phụ họa với "So"

Khi muốn đồng ý với một câu nói khẳng định, chúng ta sử dụng cấu trúc đảo ngữ với "So" ở đầu câu.

Công thức tổng quát: So + Trợ động từ / Động từ to be / Động từ khuyết thiếu + S

- **So:** có nghĩa là "cũng vậy".

- **Trợ động từ / Động từ to be / Động từ khuyết thiếu:** phải tương ứng với thì và động từ trong câu phát biểu gốc.
- **S (Chủ ngữ):** là người hoặc vật thực hiện hành động đồng tình.

3. Cách dùng chi tiết với từng loại động từ

3.1. Với động từ "to be"

Nếu câu phát biểu gốc dùng động từ "to be" (am, is, are, was, were), câu phụ họa cũng sẽ lặp lại chính động từ "to be" đó, nhưng chia theo chủ ngữ mới.

a. Thì hiện tại đơn (am/is/are)

Cấu trúc: So + am/is/are + S

Ví dụ 1:

- A: I am very tired today. (Hôm nay tôi mệt quá.)
- B: **So am I.** (Tôi cũng vậy.)

Ví dụ 2:

- A: She is a talented singer. (Cô ấy là một ca sĩ tài năng.)
- B: **So is her sister.** (Chị gái cô ấy cũng vậy.)

Ví dụ 3:

- A: They are excited about the trip. (Họ rất hào hứng về chuyến đi.)
- B: **So are we.** (Chúng tôi cũng vậy.)

b. Thì quá khứ đơn (was/were)

Cấu trúc: So + was/were + S

Ví dụ 1:

- A: I was at the library yesterday. (Hôm qua tôi đã ở thư viện.)
- B: **So was John.** (John cũng vậy.)

Ví dụ 2:

- A: They were happy with the result. (Họ đã hài lòng với kết quả.)
- B: **So were we.** (Chúng tôi cũng vậy.)

3.2. Với trợ động từ (do, does, did, have, has, had)

Nếu câu phát biểu gốc dùng động từ thường, ta phải mượn trợ động từ tương ứng với thì của câu đó.

a. Thì hiện tại đơn (do/does)

Cấu trúc: So + do/does + S

Ví dụ 1:

- A: I love listening to classical music. (Tôi thích nghe nhạc cổ điển.)
- B: **So do I.** (Tôi cũng vậy.)

Ví dụ 2:

- A: He works very hard. (Anh ấy làm việc rất chăm chỉ.)
- B: **So does his brother.** (Anh trai anh ấy cũng vậy.)

b. Thì quá khứ đơn (did)

Cấu trúc: So + did + S

Ví dụ 1:

- A: We watched that movie last night. (Chúng tôi đã xem bộ phim đó tối qua.)
- B: **So did they.** (Họ cũng vậy.)

Ví dụ 2:

- A: She bought a new dress yesterday. (Cô ấy đã mua một chiếc váy mới hôm qua.)
- B: **So did I.** (Tôi cũng vậy.)

c. Thì hiện tại hoàn thành (have/has)

Cấu trúc: So + have/has + S

Ví dụ 1:

- A: I have finished my homework. (Tôi đã làm xong bài tập về nhà.)
- B: **So have I.** (Tôi cũng vậy.)

Ví dụ 2:

- A: She has been to Paris twice. (Cô ấy đã đến Paris hai lần.)
- B: **So has her friend.** (Bạn của cô ấy cũng vậy.)

d. Thì quá khứ hoàn thành (had)

Cấu trúc: So + had + S

Ví dụ 1:

- A: They had left before I arrived. (Họ đã rời đi trước khi tôi đến.)
- B: **So had she.** (Cô ấy cũng vậy.)

3.3. Với động từ khuyết thiếu (Modal Verbs)

Nếu câu phát biểu gốc có chứa động từ khuyết thiếu (can, could, will, would, should, must, may, might...), ta chỉ cần lặp lại động từ khuyết thiếu đó trong câu phụ họa.

Cấu trúc: So + Modal Verb + S

Ví dụ 1 (can):

- A: I can speak three languages. (Tôi có thể nói ba thứ tiếng.)
- B: **So can my sister.** (Chị gái tôi cũng vậy.)

Ví dụ 2 (will):

- A: We will travel to Japan next year. (Chúng tôi sẽ đi du lịch Nhật Bản vào năm tới.)
- B: **So will I.** (Tôi cũng vậy.)

Ví dụ 3 (should):

- A: You should apologize to her. (Bạn nên xin lỗi cô ấy.)
- B: **So should he.** (Anh ấy cũng nên vậy.)

Ví dụ 4 (must):

- A: I must finish this report by 5 PM. (Tôi phải hoàn thành báo cáo này trước 5 giờ chiều.)
- B: **So must we.** (Chúng tôi cũng vậy.)

4. Bảng tổng hợp các cấu trúc

Loại động từ trong câu gốc	Thì	Cấu trúc phụ họa với "So"	Ví dụ
Động từ "to be"	Hiện tại đơn	So + am/is/are + S	A: He is smart. B: So am I.
	Quá khứ đơn	So + was/were + S	A: They were late. B: So was she.
Động từ thường	Hiện tại đơn	So + do/does + S	A: I like pizza. B: So does my brother.
	Quá khứ đơn	So + did + S	A: She visited her grandparents. B: So did we.
	Hiện tại hoàn thành	So + have/has + S	A: He has seen this film. B: So have I.
	Quá khứ hoàn thành	So + had + S	A: They had finished their meal. B: So had we.

Loại động từ trong câu gốc	Thì	Cấu trúc phụ họa với "So"	Ví dụ
Động từ khuyết thiếu	(Không áp dụng)	So + modal verb + S	A: I can swim. B: So can she.

5. Những lưu ý quan trọng và lỗi sai thường gặp

- Không lặp lại động từ chính:** Chỉ sử dụng trợ động từ, động từ "to be" hoặc động từ khuyết thiếu.
 - *SAI:* A: I like coffee. B: So do like I.
 - *ĐÚNG:* A: I like coffee. B: **So do I.**
- Luôn phải đảo ngữ:** Đưa trợ động từ lên trước chủ ngữ.
 - *SAI:* A: She is a teacher. B: So I am.
 - *ĐÚNG:* A: She is a teacher. B: **So am I.**
- Sử dụng đúng trợ động từ:** Trợ động từ phải phù hợp với thì của câu gốc.
 - *SAI:* A: He went to the cinema. B: So do I. (Câu gốc ở thì quá khứ đơn)
 - *ĐÚNG:* A: He went to the cinema. B: **So did I.**
- Phân biệt với "Too":** Cấu trúc với "So" và "Too" có cùng ý nghĩa nhưng khác nhau về cấu trúc. "Too" đứng ở cuối câu và không có đảo ngữ.
 - A: I am hungry.
 - B: **So am I. = I am, too.**
 - A: They like pop music.
 - B: **So do we. = We do, too.**

6. Bài tập vận dụng

Bài 1: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu.

1. A: My mother is a great cook.

B: _____.

A. So my sister is B. So is my sister C. So does my sister

2. A: I have already finished the assignment.

B: _____.

A. So I have B. So have I C. So do I

3. A: John went to the beach last weekend.

B: _____.

A. So did we B. So we did C. So went we

4. A: They will buy a new car soon.

B: _____.

A. So I will B. So will I C. So I do

5. A: My sister can play the piano beautifully.

B: _____.

A. So can my brother B. So my brother can C. So does my brother

Bài 2: Viết câu phụ họa sử dụng "So" để thể hiện sự đồng tình.

1. A: I was very busy yesterday. (I)

B: _____.

2. A: She loves reading comic books. (her friends)

B: _____.

3. A: They had left before the party ended. (we)

B: _____.

4. A: He should study harder for the exam. (you)

B: _____.

5. A: My parents are watching TV in the living room. (my grandparents)

B: _____.

Đáp án

Bài 1:

1. B. So is my sister

2. B. So have I

3. A. So did we

4. B. So will I

5. A. So can my brother

Bài 2:

1. So was I.

2. So do her friends.

3. So had we.

4. So should you.

5. So are my grandparents.